

Số: 39/2022/TT-BCA

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2022

THÔNG TƯ

**Quy định quản lý công tác thi hành pháp luật
về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân**

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân.

2. Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau:

a) Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ; các học viện, trường Công an nhân dân; Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Công an cấp tỉnh); Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc

trung ương (Công an cấp huyện); Công an xã, phường, thị trấn (Công an cấp xã).

b) Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân, công nhân công an có liên quan đến việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (cán bộ, chiến sĩ).

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân

1. Tuân thủ quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và Thông tư này.

2. Khách quan, công khai, minh bạch, toàn diện, đầy đủ, chính xác, kịp thời.

3. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa Công an các đơn vị, địa phương trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; không trùng lặp, chồng chéo với các hoạt động thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của từng hệ lực lượng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Mẫu đề cương báo cáo và các biểu mẫu số liệu báo cáo

Ban hành kèm theo Thông tư này Phụ lục về mẫu đề cương báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân và các biểu mẫu sử dụng để tổng hợp số liệu kèm theo báo cáo, gồm có:

1. Biểu mẫu số 01 là Bảng tổng hợp số liệu về xử phạt vi phạm hành chính.

2. Biểu mẫu số 02 là Bảng tổng hợp số liệu về các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

3. Biểu mẫu số 03 là Bảng tổng hợp số liệu về áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả, các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính.

4. Biểu mẫu số 04 là Bảng tổng hợp số liệu về áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nội dung quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân

1. Xây dựng, hoàn thiện pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân.

2. Phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân.

3. Kiểm tra, thanh tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

phạm hành chính trong Công an nhân dân.

4. Thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân.

5. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân.

6. Xây dựng, quản lý, khai thác, cập nhật, duy trì, sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân.

Điều 5. Xây dựng, hoàn thiện pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân

1. Nội dung xây dựng, hoàn thiện pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân

a) Rà soát, nghiên cứu, tham mưu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành chính sách, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

b) Theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân.

c) Sơ kết, tổng kết việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân để hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp chịu trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Công an thống nhất quản lý, tổ chức thực hiện công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân, có trách nhiệm:

a) Nghiên cứu, rà soát, xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo phân công của lãnh đạo Bộ; theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; sơ kết, tổng kết tình hình thi hành pháp luật để hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Công an nhân dân.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự để báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an trình cấp có thẩm quyền quyết định và lập chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công an về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự trình Bộ trưởng quyết định.

c) Chủ trì xây dựng hoặc tham gia xây dựng dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được Bộ trưởng Bộ Công an giao.

d) Thẩm định các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân do các đơn vị thuộc cơ quan Bộ chủ trì soạn thảo trước khi trình Bộ trưởng Bộ Công an hoặc kiểm tra tính pháp lý đối với hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trình cấp có thẩm quyền ban hành.

đ) Tham mưu, đề xuất Bộ trưởng Bộ Công an chỉ đạo việc phối hợp với các bộ, ban, ngành có liên quan trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ có trách nhiệm chủ trì xây dựng, tham gia xây dựng các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo phân công của lãnh đạo Bộ; thường xuyên phối hợp với Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp và các đơn vị liên quan trong việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân.

4. Công an các địa phương có trách nhiệm tham mưu với cấp ủy, chính quyền cùng cấp và Công an cấp trên chỉ đạo việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự và các lĩnh vực khác có liên quan thuộc phạm vi quản lý; chủ trì xây dựng, tham gia xây dựng hoặc tham gia ý kiến vào các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự và các lĩnh vực khác có liên quan do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu; phân công đơn vị chủ trì thực hiện công tác quản lý, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của đơn vị, địa phương mình.

Điều 6. Phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân

1. Nội dung phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân

a) Nghiên cứu, biên soạn tài liệu phục vụ công tác phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân.

b) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sĩ có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính hoặc quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân.

c) Tổ chức phổ biến pháp luật về xử lý vi phạm hành chính cho cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân; cán bộ, công chức, viên chức, quần chúng nhân dân; các đối tượng đặc thù với nội dung và hình thức phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

d) Hướng dẫn nghiệp vụ áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân.

2. Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp có trách nhiệm tham mưu, đề xuất lãnh đạo Bộ Công an tổ chức phổ biến pháp luật, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân; hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; nghiên cứu, biên soạn tài liệu và tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sĩ có thẩm

quyền xử lý vi phạm hành chính hoặc quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân.

3. Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ, Công an các địa phương có trách nhiệm chủ trì tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về xử lý vi phạm hành chính cho các đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ có trách nhiệm chủ trì hướng dẫn, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính cho các đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này theo chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc khi được lãnh đạo Bộ phân công. Công an các địa phương có trách nhiệm chủ trì hướng dẫn, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính cho các đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này trong phạm vi địa bàn quản lý.

4. Các học viện, trường Công an nhân dân chủ trì, phối hợp với Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp và các đơn vị có liên quan rà soát, biên soạn, chỉnh lý hệ thống giáo trình bộ môn nghiệp vụ, pháp luật, các bộ môn khác và tài liệu giảng dạy liên quan đến xử lý vi phạm hành chính.

Điều 7. Kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân

1. Nguyên tắc kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân

a) Tuân thủ nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; quy định về kiểm tra công tác trong Công an nhân dân, về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ bí mật công tác và nghiệp vụ Công an.

b) Công tác kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính phải được thực hiện kịp thời, dân chủ, khách quan. Nghiêm cấm hành vi cản trở, can thiệp trái pháp luật vào công tác kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, lợi dụng việc kiểm tra để trục lợi.

c) Đối với một nội dung kiểm tra, tại một đơn vị thì chỉ kiểm tra một lần trong một năm, trừ trường hợp kiểm tra đột xuất; những lần kiểm tra khác liên quan đến nội dung đã kiểm tra chỉ trích dẫn lại nội dung kết quả kiểm tra của lần trước, nếu có tình tiết khác xét thấy cần thiết phải kiểm tra lại thì nêu rõ căn cứ, mục đích kiểm tra đối với nội dung đó.

2. Việc kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân được tiến hành định kỳ, theo địa bàn, chuyên đề, theo ngành, lĩnh vực hoặc đột xuất. Hằng năm, Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Công an ban hành kế hoạch kiểm tra, quyết định kiểm tra và tổ chức kiểm tra

việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân; tổ chức pháp chế hoặc tổ chức có chức năng, nhiệm vụ tương đương thuộc đơn vị quản lý cán bộ, chiến sĩ có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính tại các đơn vị thuộc cơ quan Bộ, Công an các địa phương chịu trách nhiệm tham mưu giúp thủ trưởng đơn vị ban hành kế hoạch kiểm tra, quyết định kiểm tra và tổ chức kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý và theo hệ lực lượng.

Trước khi trình người có thẩm quyền ban hành kế hoạch kiểm tra, Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp phối hợp với Thanh tra Bộ và các đơn vị có liên quan; tổ chức pháp chế hoặc tổ chức có chức năng, nhiệm vụ tương đương chủ trì, phối hợp với cơ quan thanh tra và các đơn vị khác có chức năng kiểm tra tại đơn vị, địa phương mình để bảo đảm hoạt động kiểm tra thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính không trùng lặp về đối tượng, nội dung và thời gian kiểm tra với hoạt động thanh tra, kiểm tra khác đối với một đơn vị trong cùng một thời gian, không gây cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đối tượng được kiểm tra.

3. Căn cứ, phương thức, thẩm quyền, nội dung kiểm tra, kế hoạch kiểm tra, quyết định kiểm tra, tiến hành kiểm tra, kết luận kiểm tra; thực hiện kết luận kiểm tra; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận kiểm tra và các nội dung khác có liên quan đến kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân thực hiện theo quy định tại Chương II, Chương III Nghị định số 19/2020/NĐ-CP.

Điều 8. Thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân

1. Thanh tra Bộ Công an, Công an các địa phương tiến hành thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo chuyên đề hoặc khi nhận được kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự và các lĩnh vực khác có liên quan gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của đơn vị, địa phương mình.

2. Việc thanh tra thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Xử lý kỷ luật cán bộ, chiến sĩ có hành vi vi phạm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân có hành vi vi phạm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP thì bị xử lý kỷ luật theo quy định của Bộ Công an về xử lý kỷ luật cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

Điều 10. Thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân

1. Thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân là cơ sở để đánh giá tình hình, dự báo xu hướng vi phạm pháp luật hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự và các lĩnh vực khác có liên quan, đề xuất giải pháp khắc phục, hoàn thiện chính sách, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Công an nhân dân, phục vụ quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự.

2. Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc cơ quan Bộ có chức năng xử lý vi phạm hành chính, các đơn vị khác có liên quan, Công an các địa phương tiến hành thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân.

Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ có chức năng xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm chủ trì thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi lĩnh vực quản lý và theo hệ lực lượng. Công an các địa phương có trách nhiệm chủ trì thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi địa bàn quản lý.

3. Việc thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ Công an về công tác thống kê.

Điều 11. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân

1. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân bao gồm báo cáo về tình hình xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự và các lĩnh vực khác có liên quan; báo cáo về tình hình áp dụng biện pháp xử lý hành chính thuộc thẩm quyền của Công an nhân dân. Nội dung báo cáo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 35 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Báo cáo định kỳ về công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân

a) Định kỳ hằng năm, các đơn vị thuộc cơ quan Bộ có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính hoặc có liên quan đến công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, Công an các địa phương có trách nhiệm xây dựng báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân thuộc phạm vi quản lý theo mẫu đề cương báo cáo và các biểu mẫu số liệu ban hành kèm theo Thông tư này.

Công an cấp xã, các đội nghiệp vụ, đồn Công an thuộc Công an cấp huyện gửi báo cáo về Công an cấp huyện chậm nhất sau 01 ngày làm việc, kể từ ngày

chốt số liệu; Công an cấp huyện, các phòng nghiệp vụ thuộc Công an cấp tỉnh gửi báo cáo về Công an cấp tỉnh chậm nhất sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày chốt số liệu. Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ quy định tại điểm này, Công an cấp tỉnh gửi báo cáo về Bộ (qua Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp) chậm nhất vào ngày 20 tháng 12 của kỳ báo cáo. Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Bộ về những trường hợp không gửi báo cáo về Bộ hoặc gửi báo cáo không đúng quy định tại Thông tư này.

b) Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

c) Báo cáo được thể hiện bằng văn bản (là bản có chữ ký, họ tên của Thủ trưởng đơn vị báo cáo và đóng dấu phát hành theo quy định; các biểu mẫu tổng hợp số liệu kèm theo báo cáo phải được đóng dấu giáp lai) hoặc văn bản điện tử có chữ ký số.

d) Báo cáo được gửi đến đơn vị nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi văn bản trực tiếp hoặc qua đường văn thư trong Công an nhân dân; gửi qua máy fax; qua hệ thống gửi, nhận văn bản điện tử hoặc gửi văn bản điện tử có chữ ký số; gửi qua hộp thư điện tử trên mạng diện rộng của Bộ Công an. Đối với báo cáo thể hiện bằng văn bản, Công an các đơn vị, địa phương phải gửi đồng thời kèm bản điện tử theo một trong các phương thức nêu tại khoản này.

đ) Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp có trách nhiệm tổng hợp báo cáo của các đơn vị thuộc cơ quan Bộ quy định tại điểm a khoản này, Công an cấp tỉnh; xây dựng báo cáo định kỳ hằng năm của Bộ Công an về công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính, trình lãnh đạo Bộ duyệt, ký để gửi Bộ Tư pháp tập hợp, báo cáo Chính phủ theo quy định của pháp luật.

e) Trường hợp phải chỉnh lý, bổ sung nội dung, số liệu trong báo cáo, đơn vị lập báo cáo có trách nhiệm gửi báo cáo đã chỉnh lý, bổ sung, kèm theo văn bản giải trình rõ về việc chỉnh lý, bổ sung và phải có chữ ký xác nhận của Thủ trưởng đơn vị, đóng dấu theo quy định hoặc văn bản điện tử có chữ ký số. Hình thức và phương thức gửi báo cáo đã chỉnh lý, bổ sung và văn bản giải trình rõ về việc chỉnh lý, bổ sung thực hiện theo quy định tại điểm c, d khoản này.

3. Đối với báo cáo chuyên đề, đột xuất về công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân, Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Xây dựng, quản lý, khai thác, cập nhật, duy trì, sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân

1. Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân là tập hợp dữ liệu về xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp xử lý hành chính thuộc thẩm quyền của Công an nhân dân; được xây dựng, quản lý,

khai thác, cập nhật, duy trì, sử dụng thông qua phương tiện điện tử trong Công an nhân dân theo quy định của pháp luật; kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan.

2. Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân được xây dựng tập trung, thống nhất, dùng chung trong toàn lực lượng Công an nhân dân.

3. Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Công an chỉ đạo thực hiện việc xây dựng, quản lý, khai thác, cập nhật, duy trì, sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân và kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với các cơ sở dữ liệu khác có liên quan; xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành quy định cụ thể về xây dựng, quản lý, khai thác, cập nhật, duy trì, sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân và kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với các cơ sở dữ liệu có liên quan.

Điều 13. Kinh phí bảo đảm việc quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân

Kinh phí bảo đảm việc quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân quy định tại Thông tư này do ngân sách nhà nước bảo đảm và được bố trí trong dự toán ngân sách của Công an các đơn vị, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Bộ Công an.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2022 và thay thế Thông tư số 63/2017/TT-BCA ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phối hợp trong công tác quản lý về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân.

2. Khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tính từ thời điểm văn bản đó có hiệu lực thi hành.

3. Không đăng tải Thông tư này trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

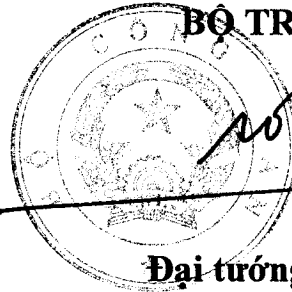
2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Bộ, Giám đốc các học viện, Hiệu trưởng các trường Công an nhân dân, Giám đốc Công an cấp tỉnh trong

phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này; bố trí kinh phí bảo đảm việc quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại đơn vị, địa phương mình.

Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp) để có hướng dẫn kịp thời.

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ;
- Các học viện, trường Công an nhân dân;
- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Lưu: VT, V03 (P6).



BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Tô Lâm

PHỤ LỤC

**Mẫu đề cương báo cáo và các biểu mẫu sử dụng trong báo cáo công tác
thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2022/TT-BCA
ngày 25/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Công an)

STT	Tên biểu mẫu
1	Mẫu đề cương báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân.
2	Biểu mẫu số 01 - Bảng tổng hợp số liệu về xử phạt vi phạm hành chính.
3	Biểu mẫu số 02 - Bảng tổng hợp số liệu về các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
4	Biểu mẫu số 03 - Bảng tổng hợp số liệu về áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả, các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính.
5	Biểu mẫu số 04 - Bảng tổng hợp số liệu về áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

lưu

**Mẫu đề cương Báo cáo công tác thi hành pháp luật
về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân**

TÊN ĐƠN VỊ¹

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:BC-....²

.....³, ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính
trong Công an nhân dân năm....⁴**

Thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm ...,
....⁵ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công
an nhân dân năm ... như sau:

**I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÔNG TÁC THI
HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

**1.1. Công tác chỉ đạo triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành
chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành luật**

Thống kê số lượng, nêu rõ tên, hình thức văn bản chỉ đạo, phối hợp,
hướng dẫn triển khai thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản
quy định chi tiết thi hành: Công văn, Quyết định, Chương trình, Kế hoạch,
Quy chế...

1.2. Công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

- Thống kê số lượng, nêu rõ tên, hình thức văn bản quy phạm pháp luật do
đơn vị chủ trì, phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương, ban, ngành tham
mưu, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền
nhằm triển khai thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy
định chi tiết thi hành.

- Thống kê số lượng, nêu rõ tên dự thảo văn bản quy phạm pháp luật liên
quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự do
đơn vị tham gia ý kiến.

- Việc xây dựng, trình phê duyệt và triển khai các Chương trình, Kế
hoạch, Đề án, Dự án triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

**1.3. Công tác phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng
nghệ thuật vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính**

- Thống kê số lượng, nêu rõ các hình thức phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn

¹ Tên đơn vị lập báo cáo.

² Chữ viết tắt tên của đơn vị lập báo cáo.

³ Địa danh ghi theo hướng dẫn của Chính phủ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

⁴ Năm thực hiện báo cáo định kỳ.

⁵ Tên đơn vị lập báo cáo.

nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính: hội thảo, hội nghị, đưa tin, bài trên các phương tiện thông tin đại chúng, biên soạn tài liệu, sách, sổ tay về xử lý vi phạm hành chính...

- Nêu rõ số lượng tin, bài; tài liệu; sách; sổ tay; cuộc hội thảo, hội nghị; số người/lượt người được phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ...

- Thống kê số lượng, nêu rõ các hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự cho cán bộ, công chức, viên chức, quần chúng nhân dân và các đối tượng đặc thù; số lượt người được tuyên truyền.

1.4. Công tác kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

- Công tác kiểm tra, kiểm tra liên ngành việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính: nêu rõ việc có hay không ban hành kế hoạch kiểm tra; tổng số cuộc kiểm tra, kiểm tra liên ngành đã được tiến hành; các lĩnh vực trọng tâm được kiểm tra; kết quả của việc kiểm tra, kiểm tra liên ngành.

- Công tác thanh tra, phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính: nêu rõ việc có hay không ban hành kế hoạch thanh tra; tổng số cuộc thanh tra đã được tiến hành; các lĩnh vực trọng tâm được thanh tra; kết quả của việc thanh tra, phối hợp thanh tra.

- Qua công tác kiểm tra, thanh tra đã phát hiện bao nhiêu vụ việc sai phạm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Nêu cụ thể kết quả xử lý trách nhiệm đối với cán bộ, chiến sĩ sai phạm (bao nhiêu cán bộ, chiến sĩ bị truy cứu trách nhiệm hình sự, kỷ luật...).

II. TÌNH HÌNH VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

2.1. Tình hình vi phạm hành chính

Nhận xét, đánh giá chung, khái quát tình hình vi phạm hành chính, các loại hành vi vi phạm phổ biến, các hành vi vi phạm hành chính nổi cộm; tình hình áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực/địa bàn quản lý.

2.2. Tình hình xử phạt vi phạm hành chính

- Đánh giá, so sánh sự tăng hay giảm so với cùng kỳ năm trước đối với các số liệu sau: tổng số vụ vi phạm bị phát hiện, xử phạt; tổng số đối tượng bị xử phạt; tình hình thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; số lượng quyết định chưa thi hành, quá thời hạn thi hành, chỉ rõ lý do; số lượng quyết định bị hủy bỏ, đình chỉ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới; tổng số tiền phạt thu được và tổng số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu;... *(các số liệu quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP).*

- Nêu rõ kết quả xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực công

tác công an⁶, gồm cả số vụ chuyển Ủy ban nhân dân các cấp ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cụ thể: số vụ vi phạm hành chính; số lượng quyết định xử phạt vi phạm hành chính; số đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính (đối với tổ chức, cá nhân); số tiền theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính (đối với tổ chức, cá nhân); số tiền đã thu nộp ngân sách nhà nước (đối với tổ chức, cá nhân).

2.3. Tình hình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

Đánh giá, so sánh sự tăng hay giảm so với cùng kỳ năm trước đối với các số liệu sau: tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính (giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc); số lượng hồ sơ bị Tòa án trả lại để bổ sung; số đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính (giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc); số lượng người chưa thành niên được áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính (quản lý tại gia đình, giáo dục dựa vào cộng đồng); tình hình tổ chức thi hành các quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính (giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc), số lượng quyết định chưa thi hành, quá thời hạn thi hành, chỉ rõ lý do;... *(các số liệu quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP).*

2.4. Một số vấn đề khác

- Kết quả áp dụng hình thức xử phạt trực xuất (nếu có).
- Tình hình thực hiện quy định của pháp luật về giao quyền xử phạt vi phạm hành chính; giao quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính; giao quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
- Số vụ chuyển truy cứu trách nhiệm hình sự; số vụ, số đối tượng bị khởi tố; số vụ, số đối tượng không khởi tố.
- Số vụ vi phạm do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến để xử phạt vi phạm hành chính; số vụ, số đối tượng bị xử phạt; số vụ, số đối tượng không xử phạt.
- Cách xác định trường hợp tái phạm, vi phạm hành chính nhiều lần trong xử lý vi phạm hành chính trong thực tiễn công tác tại Công an đơn vị, địa phương.
- Tình hình, kết quả thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
- Tình hình, kết quả áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính.

⁶ Các lĩnh vực công tác công an như: giao thông (đường bộ, đường thủy, đường sắt); an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình; ma túy; bảo vệ môi trường; quản lý hành chính về trật tự xã hội; xuất nhập cảnh; kinh tế, thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và các lĩnh vực khác.

- Số lượng quyết định xử lý vi phạm hành chính bị khiếu nại; số lượng quyết định xử lý vi phạm hành chính bị khởi kiện; bao nhiêu trường hợp tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật trong việc xử lý vi phạm hành chính. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến bị khiếu nại, khởi kiện, tố cáo. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo. Kết quả Tòa án xử lý đối với các vụ việc bị khởi kiện. Kết quả xử lý cán bộ, chiến sĩ vi phạm.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC CHỦ YẾU TRONG THỰC TIỄN THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH, NGUYÊN NHÂN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

(Từ thực tiễn công tác xử lý vi phạm hành chính trong kỳ báo cáo, Công an các đơn vị, địa phương đưa ra những nhận xét, đánh giá về những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong công tác xử lý vi phạm hành chính).

3.1. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định pháp luật

3.1.1. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính

3.1.2. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính

3.2. Khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành

3.2.1. Về các điều kiện bảo đảm thi hành Luật

3.2.1.1. Kinh phí; cơ sở vật chất, kỹ thuật

3.2.1.2. Tổ chức bộ máy, nhân sự

3.2.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ

3.2.3. Việc phối hợp giữa các ngành, cơ quan chức năng trong xử lý vi phạm hành chính

3.2.4. Về việc báo cáo, thống kê

3.2.5. Về công tác kiểm tra, thanh tra

3.2.6. Những khó khăn, vướng mắc khác

3.3. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

3.3.1. Nguyên nhân chủ quan

3.3.2. Nguyên nhân khách quan

3.4. Đề xuất, kiến nghị

(Xuất phát từ những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong công tác xử lý vi phạm hành chính, Công an các đơn vị, địa phương đưa ra những kiến nghị, đề xuất về chủ trương, giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác xử lý vi phạm hành chính, góp phần giảm thiểu và ngăn ngừa các vi phạm hành chính).

Trên đây là báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân năm..., xin gửi ...⁶/. *ket*

Nơi nhận:

.....⁸

-⁷;

- Lưu: VT,

⁶ Tên đơn vị nhận báo cáo.

⁷ Tên đơn vị nhận báo cáo.

⁸ Quyền hạn và chức vụ của người ký báo cáo.

Biểu mẫu số 01 (*)

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số:/BC-.....(1) ngày/...../..... của(2))

Tổng cộng	(1)	STT				
	(2)	Công an đơn vị/địa phương ban hành quyết định XPVPHC				
	(3)	Số vụ bị Công an các đơn vị, địa phương XPVPHC			Tổng số vụ vi phạm bị phát hiện, xử lý	
	(4)	Số vụ Công an các đơn vị, địa phương chuyển Ủy ban nhân dân các cấp ra quyết định XPVPHC				
	(5)	Số vụ bị khởi tố	Số vụ chuyển truy cứu trách nhiệm hình sự			
	(6)	Số vụ không khởi tố				
	(7)	Số vụ bị xử phạt	Số vụ vi phạm cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến để XPVPHC			
	(8)	Số vụ không xử phạt				
	(9)	Số vụ áp dụng biện pháp thay thế nhắc nhở đối với người chưa thành niên				
	(10)	Tổ chức				
	(11)	Từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi		Nam	Cá nhân	
	(12)	Từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi				
	(13)	Từ đủ 18 tuổi trở lên				
	(14)	Từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi		Nữ		
	(15)	Từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi				
	(16)	Từ đủ 18 tuổi trở lên				
	(17)	Đối tượng khác				
	(18)	Tổng số quyết định XPVPHC				
	(19)	Số lượng quyết định có sai sót phải đính chính, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ, ban hành quyết định mới				
	(20)	Tổ chức	Số tiền phạt theo quyết định XPVPHC			
	(21)	Cá nhân				
	(22)	Số quyết định đã thi hành xong			Kết quả thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính	
	(23)	Số quyết định hoãn, miễn, giảm				
	(24)	Số quyết định bị cưỡng chế thi hành				
	(25)	Số quyết định bị khiếu nại				
	(26)	Số quyết định bị khởi kiện				
	(27)	Tổ chức	Tổng số tiền phạt đã thu nộp ngân sách nhà nước			
	(28)	Cá nhân				
	(29)	Tổng số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu				

Giải thích Biểu mẫu số 01:

(*) Biểu mẫu này dùng để tổng hợp số liệu về tình hình xử phạt vi phạm hành chính trong phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý của Công an đơn vị, địa phương

(1) Chữ viết tắt tên của Công an đơn vị, địa phương lập báo cáo.

(2) Tên của Công an đơn vị, địa phương lập báo cáo.

* Cột (2) Ghi tên của từng Công an đơn vị/địa phương đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong kỳ báo cáo:

- Đối với Công an cấp tỉnh: Ghi cụ thể tên của các phòng nghiệp vụ thuộc Công an cấp tỉnh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và Công an cấp huyện đã ban hành quyết định xử phạt trong kỳ báo cáo;

- Đối với Công an cấp huyện: Ghi cụ thể tên các đội nghiệp vụ, đồn Công an thuộc Công an cấp huyện có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; Công an cấp xã đã ban hành quyết định xử phạt trong kỳ báo cáo;

- Đối với Công an cấp xã: Ghi cụ thể tên Công an xã, phường, thị trấn đã ban hành quyết định xử phạt trong kỳ báo cáo;

- Đối với các đơn vị thuộc cơ quan Bộ có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính: Ghi cụ thể tên của các phòng nghiệp vụ và tương đương trực thuộc có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đã ban hành quyết định xử phạt trong kỳ báo cáo;

- Đối với các phòng nghiệp vụ và tương đương trực thuộc cơ quan Bộ có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính: Ghi cụ thể tên của các đội nghiệp vụ/đơn vị trực thuộc có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đã ban hành quyết định xử phạt trong kỳ báo cáo

* Cột (20), (21), (27), (28), (29) đơn vị tính: Việt Nam đồng.

lưu

Biểu mẫu số 02 (*)

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ CÁC HÌNH THỨC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH,
ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP CƯỜNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**
(Kèm theo Báo cáo số: .../BC-...(1) ngày .../.../... của ... (2))

Số lượng quyết định áp dụng các hình thức xử phạt vi phạm hành chính										
Cảnh cáo		Phạt tiền		Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn		Đình chỉ hoạt động có thời hạn		Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính		Trục xuất
Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Số lượng quyết định áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính										
Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản của cá nhân, tổ chức vi phạm				Kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá		Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản		Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả		
Số lượng quyết định đã thi hành	Số lượng quyết định chưa thi hành	Số lượng quyết định đã thi hành	Số lượng quyết định chưa thi hành	Số lượng quyết định đã thi hành	Số lượng quyết định chưa thi hành	Số lượng quyết định đã thi hành	Số lượng quyết định chưa thi hành	Số lượng quyết định đã thi hành	Số lượng quyết định chưa thi hành	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

Giải thích Biểu mẫu số 02:

(*) Biểu mẫu này dùng để tổng hợp số liệu về các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả, biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (lưu hành nội bộ trong Công an nhân dân).

(1) Chữ viết tắt tên của Công an đơn vị, địa phương lập báo cáo.

(2) Tên của Công an đơn vị, địa phương lập báo cáo.

lưu

Biểu mẫu số 03 (*)

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ,
CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN VÀ BẢO ĐẢM XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

(Kèm theo Báo cáo số: .../BC-...(1) ngày .../.../... của ... (2))

Số lượng quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả																			
Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu		Buộc phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép		Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh		Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện		Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại		Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn		Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm		Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng		Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật		Các biện pháp khắc phục hậu quả khác	
Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

Số lượng quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính								
Tạm giữ người	Áp giải người vi phạm	Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề	Khám người	Khám phương tiện vận tải, đồ vật	Khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính	Quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trực xuất	Giao cho gia đình, tổ chức quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính	Truy tìm đối tượng phải chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong trường hợp bỏ trốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Giải thích Biểu mẫu số 02:

(*) Biểu mẫu này dùng để tổng hợp số liệu về các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả, biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (lưu hành nội bộ trong Công an nhân dân).

(1) Chữ viết tắt tên của Công an đơn vị, địa phương lập báo cáo.

(2) Tên của Công an đơn vị, địa phương lập báo cáo.

Let

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số:/BC-....(1) ngày/..../.... của(2))

STT	Biện pháp xử lý hành chính	Tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị		Tổng số đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính		Tổng số đối tượng là người chưa thành niên được áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính				Tình hình tổ chức thi hành quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính					
						Quản lý tại gia đình		Giáo dục dựa vào cộng đồng		Tổng số đối tượng đang chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được tạm đình chỉ chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được giảm thời hạn chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được hoãn chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được miễn chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được miễn chấp hành thời gian còn lại
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Giáo dục tại xã, phường, thị trấn							Không áp dụng			Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2	Đưa vào trường giáo dưỡng					Không áp dụng									
3	Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc					Không áp dụng									
4	Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc					Không áp dụng									

Giải thích Biểu mẫu số 04:

(*) Biểu mẫu này dùng để tổng hợp số liệu về việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

(1) Chữ viết tắt tên của Công an đơn vị, địa phương lập báo cáo.

(2) Tên của Công an đơn vị, địa phương lập báo cáo.

Luc